Họ tên	Bộ phận	1	4	5	6	7	8	11	12	13	14	15	18	19	20	21	22	25	26	27	28	29	Tổng
VI THỊ THANH	Phòng TCHC	8.68	8.73	8.73	8.02	8.63	8.57	8.38	8.02	8.43	8.1	8.3	8.2	8.1	8.48	8.17	8.48	8.25	8.57	8.42	8.25	8.3	**18.48**
Phòng TCHC Count	1																						
LÔ VĂN THƯƠNG	Phòng TCKT	3.6	7.48	7.5	7.7	4.88	7.77	4.75	7.9	4.92	7.73	7.3	4.9	7.68	7.8	7.12	5.05	7.9	7.88	7.9	4.88	8.18	**14.82**
NGUYỄN THỊ HÀ	Phòng TCKT				2.42	8.55	8.43	8.92	8.28	8.27	8.72	8.5	8.3	8.37	8.5	8.13	8.35	8.43	8.47	8.67	4.97	8.78	**15.04**
VÕ THỊ HÀ	Phòng TCKT	5.4	8.27			8.35	7.9	8.47		2.8	8.28	8.22	5.43	8.3	8.08	7.97	8.18	8.2	8.22	7.98	8.1	7.97	**14.3**
Phòng TCKT Count	3																						
ĐỖ THỊ TÂM	Phòng KHTH	8.7	9.17	8.4	8.33	8.72	8.65	8.37	8.45				8.67	8.42	8.22	8.43	8.35	3.7	8.23	8.23	3.45	8.3	**15.01**
NGUYỄN SỸ HOÀNG	Phòng KHTH	8.27	8.53	8.37	8.17	8.33	8.35	8.23		8.07	8.43		8.22	8.5	8.23	8.27		8.4	8.47	8.25	8.42	4.97	**15.42**
KHA VĂN KHẮM	Phòng KHTH	6.93	8.48	8.48				8.43	8.2				4.05	7.58	3.62	8.53	7.62	8.15	3.73		7.88	3.13	**9.98**
KHA THỊ THẢO	Phòng KHTH	7.5	7.17	7.22	6.92	7.13	4.27	7.52	8.3	7.48	7.48	7.63	8.87	8.48	8.53	7.85	8.17	8.5	8.12	3.82			**14.82**
NGUYỄN THỊ THANH HẢI	Phòng KHTH	8.2		8.23	4.2	3.17			8.17	8.07	8.05	8.17	8.12	8	7.98	8	8.47	8.03	8	8	8.03	8.4	**14.44**
VI THỊ HIỀN	Phòng KHTH	3.03			3.22	8.48	8.38	8.47	4.5			8.38	8.17	8.12	8.03	8.13	8.28	8.4	8.13	8.5		8.3	**12.46**
CỬ Y NHÌA	Phòng KHTH		7.82	8.23	7.88	7.73	8.27	7.88	8.08	7.97	7.87	8.02	8.17	7.72	7.78	8.17	7.92	8.17	7.85	8	8.12	8.13	**16.81**
Phòng KHTH Count	7																						
MOONG THỊ THẮM	BGĐ	3.82												3.63				2.87	7.8	3.15	8.15	7.97	**3.93**
SẦM VĂN HẢI	BGĐ					8.53	8.22	5.67	8.33	8.3	4.17	8.42	8.35	8.4		4.13		8.33	4	4.47		4.75	**9.91**
BAN GIÁM ĐỐC Count	2																						
Grand Count	13																						